

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 820/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04/5/2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2219/2016/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2016 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A; cư trú tại: 446/3 Đường M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh(có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm B; cư trú tại: 446/3 Đường M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A trình bày: Năm 2007, bà và ông Phạm B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01/2007 ngày 11/5/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Phạm B chỉ nhậu nhẹt không lo làm ăn và nhiều lần vô cớ đánh đập bà. Bà nhiều lần khuyên giải ông Lượng nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm B.

Về con chung: Bà và ông Phạm B có 01 con chung tên Phạm Nguyễn H, sinh ngày 18/6/2007. Bà đồng ý giao con cho ông Phạm B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có.

Toà án nhân dân quận T đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Phạm B đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trẻ Phạm Nguyễn H nay đang sống cùng ông Lượng để ổn định cuộc sống của trẻ nên giao trẻ cho ông Lượng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lượng có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về người trực tiếp nuôi con bằng một vụ án khác. Yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ly hôn với ông Phạm B. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2007 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Phạm B là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Trâm, ông Lượng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn là do bị đơn thiếu trách nhiệm, thường xuyên rượu chè, hay gây gổ và đánh đập nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần khuyên giải bị đơn nhưng không có kết quả. Thực tế thì nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay.

Căn cứ kết quả cung cấp chứng cứ của Ủy ban nhân dân Phường N quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Ủy ban nhân dân Phường N chưa ghi nhận sự

việc liên quan đến mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà A. Trẻ Phạm Nguyễn H, sinh ngày: 18/6/2007 có hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng bố là ông Phạm B tại địa chỉ: 446/3 Đường M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Phạm B đã không đến Tòa án làm việc, qua đó cho thấy ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực để hàn gắn gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phạm Nguyễn H, sinh ngày 18/6/2007. Nguyên đơn đồng ý giao con cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh trẻ Phạm Nguyễn H có hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng ông Phạm B tại địa chỉ 446/3 Đường M, Phường N, quận T và tại bản tự khai trẻ Phạm Nguyễn H có nguyện vọng sống với cha nên việc giao trẻ H cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Phạm B.

1. Về con chung: Bà Nguyễn Thị A và ông Phạm B có 01 con chung tên Phạm Nguyễn H, sinh ngày 18/6/2007. Giao trẻ Phạm Nguyễn H cho ông Phạm B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục bà Nguyễn Thị A không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000 đồng bà Nguyễn Thị A phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số AA/2014/0009195 ngày 16/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trâm đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.T ;
- Chi cục THADS Q.T;
- UBND Phường N, quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền Long